Sign In

BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ
Số: 06/1998/TT-BVGCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn nguyên tắc xác định đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyển và xác định mức giá bán lẻ các mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước tại các tỉnh miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc

Căn cứ Nghị định số 01/CP ngày 5/1/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Vật giá Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 137/HĐBT ngày 27/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý giá;

Căn cứ Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc;

Sau khi trao đổi với các ngành liên quan, Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn nguyên tắc tính trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách và xác định mức giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước tại các tỉnh miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước.

Phạm vi, đối tượng hưởng chính sách trợ giá, trợ cước được thực hiện theo quy định tại điểm I của Thông tư liên tịch số 11/1998/TTLT/BTM-UBDTMN-BTC-BKHĐT của Bộ Thương mại, Uỷ ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các mặt hàng được trợ giá, trợ cước vận chuyển

2.1. Các mặt hàng được trợ cước vận chuyên

Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển đến trung tâm cụm xã gồm: giấy viết học sinh, thuốc chữa bệnh (theo danh mục quy định của Bộ Y tế), dầu hoả thắp sáng.

Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển đến trung tâm huyện: phân bón (Urê, Kali, NPK, SA, DAP, phân bón vi sinh, phân lân), thuốc trừ sâu, than (cả than địa phương), sách (theo danh mục qui định của Bộ Văn hoá Thông tin).

Trợ cước để khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm hàng hoá (theo danh mục quy định của Chính phủ) được sản xuất ở địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.

2.2. Các mặt hàng được trợ giá và trợ cước vận chuyển đến trung tâm cụm xã:

Giống cây trồng.

Muối iốt (tiền túi PE, công trộn muối iốt và đóng thành từng túi có trọng lượng 1 kg, 2 kg).

Các địa phương tự trộn muối iốt, ngoài việc được trợ cước vận chuyển muối iốt đến trung tâm cụm xã còn được hưởng trợ cước vận chuyển muối trắng (tương đương với lượng muối trắng để sản xuất muối iốt được trợ giá, trợ cước) từ nơi mua muối (phụ lục kèm theo) đến cơ sở trộn muối iốt của địa phương.

3. Chân hàng để tính trợ cước

Nguyên tắc chung của việc áp dụng chân hàng để tính trợ cước là phải đảm bảo cự ly vận chuyển hợp lý để sử dụng kinh phí trợ giá, trợ cước một cách có hiệu quả nhất.

3.1. Đối với các tỉnh miền núi điểm khởi đầu tính trợ cước vận chuyển các mặt hàng được trợ cước là từ kho giao hàng của doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý ở nơi gần nhất (phụ lục kèm theo).

3.2. Đối với các tỉnh chỉ có huyện, xã miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc điểm khởi đầu tính trợ cước vận chuyển các mặt hàng được trợ cước là từ trung tâm tỉnh. Riêng các mặt hàng muối iốt, giấy viết, thuốc chữa bệnh được trợ cước là từ kho giao hàng của doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý ở nơi gần nhất (phụ lục kèm theo).

Các tỉnh có thể mua hàng ở những nơi khác nếu có cùng chất lượng, giá cả nhưng trợ cước vận chuyển tối đa cũng chỉ bằng lấy hàng ở các nơi quy định.

3.3. Điểm khởi đầu tính trợ cước để tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho đồng bào miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc là từ trung tâm cụm xã.

II. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ TRỢ GIÁ, TRỢ CƯỚC

1. Nguyên tắc xác định đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyển

1.1. Nguyên tắc xác định đơn giá trợ cước vận chuyển

Đơn giá trợ cước vận chuyển được tính theo cự ly từ chân hàng quy định đến trung tâm huyện đối với những mặt hàng được trợ cước đến huyện, đến trung tâm cụm xã đối với những mặt hàng được trợ cước đến trung tâm cụm xã.

Trợ cước để tiêu thụ sản phẩm (tiêu thụ nội địa và xuất khẩu) được tính từ trung tâm cụm xã đến nơi tiêu thụ tập trung (do Ban Vật giá Chính phủ và Bộ Thương mại quy định cho phù hợp với thực tế cho từng trường hợp cụ thể).

Đơn giá trợ cước vận chuyển: Ban Vật giá Chính phủ qui định đối với đường do Trung ương quản lý, UBND tỉnh quy định đối với đường do địa phương quản lý (riêng đối với phương tiện thô sơ nếu địa phương không qui định thì được tính theo mức cước thực tế hợp lý).

Các khoản phí cầu, đường, phà, chi phí bốc xếp, hao hụt định mức được tính vào đơn giá cước vận chuyển.

1.2. Nguyên tắc xác định mức trợ giá

a. Mức trợ giá giống cây trồng: là phần chênh lệch giữa giá vốn mua giống cây trồng (không tính phần trợ cước vận chuyển) tại nơi quy định với giá bán cho người sản xuất tại các trung tâm cụm xã.

b. Mức trợ giá muối iốt bao gồm chi phí tiền công trọn muối iốt và tiền bao PE (trừ phần UNICEP viện trợ bao PE) do Ban Vật giá Chính phủ quy định.

2. Phương pháp xác định đơn giá trợ giá, trợ cước.

2.1. Đơn giá trợ cước vận chuyển được tính như sau:

Đơn giá trợ cước = ồ (đơn giá cước từng loại hàng và loại đường X Cự ly) + Chi phí bốc xếp + Lệ phí cầu, phà, đường + Chi phí hao hụt (nếu có)

Trong đó:

Đơn giá cước vận chuyển được tính theo từng cự ly vận chuyển, loại đường, bậc hàng, theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương.

Phân loại đường theo qui định của Bộ Giao Thông vận tải đối với đường do Trung ương quản lý và Sở Giao Thông vận tải đối với đường do địa phương quản lý.

Chi phí bốc xếp theo thực tế ở từng địa phương.

Lệ phí cầu, phà, đường theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Tỷ lệ hao hụt theo qui định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thực tế đang tính (phụ lục kèm theo).

2.2. Xác định mức trợ giá giống cây trồng:

Mức trợ giá = giá vốn - Giá bán cho dân tại cụm xã

Trong đó:

Giá vốn là giá mà đơn vị kinh doanh giống cây trồng mua và chi phí lưu thông thực tế hợp lý (trừ phần trợ cước vận chuyển).

Giá bán lẻ cho dân tại cụm xã theo quy định của UBND tỉnh.

III. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH MỨC GIÁ HOẶC KHUNG GIÁ BÁN LẺ CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC TRỢ GIÁ, TRỢ CƯỚC TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ vào tình hình cung cầu hàng hoá, giá cả thị trường và sức mua của nhân dân của từng địa phương, Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định mức giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước vận chuyển theo nguyên tắc sau:

1. Đối với các mặt hàng Nhà nước đã quy định mức giá, khung giá hoặc giá bán lẻ tối đa thì địa phương quy định mức giá cụ thể trong giới hạn cho phép.

2. Qui định thống nhất một mức giá bán lẻ các mặt hàng chính sách được trợ giá trợ cước tại các địa bàn được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước; Mức giá hoặc khung giá đó phải tương đương với giá bán các mặt hàng cùng loại có bán tại các thị xã, thành phố tỉnh lỵ.

3. Riêng đối với giống cây trồng, UBND tỉnh qui định giá bán giống cây trồng căn cứ vào tình hình cung cầu hàng hoá, sức mua của đồng bào và xem xét mức giá bán lẻ giống cây trồng của các vùng giáp ranh thuộc các tỉnh khác để qui định giá bán cho phù hợp, tránh tình trạng qui định giá bán quá thấp gây tiêu cực.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về quy định giá

a. Ban Vật giá Chính phủ quy định:

Đơn giá trợ giá, trợ cước của từng mặt hàng đối với từng địa phương cụ thể để làm căn cứ dự toán kinh phí trợ giá, trợ cước hàng năm cho các tỉnh.

Công trộn muối iốt, tiền túi PE.

Đơn giá trợ cước tiêu thụ sản phẩm.

b. Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định:

Đơn giá trợ giá giống cây trồng, trợ cước vận chuyển cho từng mặt hàng (kể cả đơn giá trợ cước muối trắng), từng địa điểm (theo qui định ở trên) để làm căn cứ thanh toán cho ngành hàng và quyết toán ngân sách.

Mức giá bán lẻ các mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước.

c. Sở Tài chính Vật giá xây dựng phương án đơn giá trợ giá, trợ cước; phương án về mức giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước để trình UBND tỉnh xem xét qui định theo hướng dẫn của Ban Vật giá Chính phủ.

2. Niêm yết giá

Giá bán lẻ các mặt hàng được trợ giá, trợ cước phải được niêm yết công khai tại các địa điểm bán hàng để mọi người biết giám sát, kiểm tra và thực hiện.

3. Thanh tra, kiểm tra

Trên cơ sở những nguyên tắc để xác định đơn giá trợ giá, trợ cước và mức giá hoặc khung giá bán lẻ các mặt hàng chính sách được trợ giá, trợ cước quy định tại Thông tư này, UBND tỉnh miền núi, tỉnh có huyện, xã miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện để kịp thời chấn chỉnh những sai sót, lệch lạc; Đồng thời, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm pháp luật.

Ban Vật giá Chính phủ cùng các Bộ, ngành liên quan và Sở Tài Chính Vật giá tỉnh phối hợp tổ chức thanh tra kiểm tra việc chấp hành chính sách trợ giá trợ cước ở địa phương; Kiểm tra việc quy định đơn giá trợ giá, trợ cước ở các địa phương và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, đảm bảo chính sách trợ giá, trợ cước được thực hiện nghiêm túc và đưa lại hiệu quả thiết thực đối với đồng bào sinh sống và hoạt động tại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

4. Chế độ thông tin, báo cáo: